

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP THÔNG MINH H2T VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP THÔNG MINH H2T VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H2T VIETNAM SMART SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: H2T VIỆT NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0108237678

3. Ngày thành lập: 17/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

135 TT3 khu đô thị Mỹ Đình, Phố Mỹ Đình 1, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất nhạc cụ	3220
2.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
3.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
4.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
5.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
6.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
7.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
8.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
9.	Tái chế phế liệu	3830
10.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
11.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
12.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
13.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
14.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
15.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
16.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
17.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

20.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý: lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; chương trình sản xuất và kế hoạch điều khiển...	7020(Chính)
21.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
25.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
26.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
27.	Xây dựng nhà các loại	4100
28.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
29.	Xây dựng công trình công ích	4220
30.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
31.	Thu gom rác thải độc hại	3812
32.	Sản xuất sợi	1311
33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư tài chính (không bao gồm tư vấn pháp luật)	6619
35.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
40.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
41.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
42.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
44.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
45.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

46.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải Hành khách bằng taxi Vận tải hành khách bằng xe lam, xe lô, xe máy Vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác	4931
47.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản Môi giới bất động sản	6820
48.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
49.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
50.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
51.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
52.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
53.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
54.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
55.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
56.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
58.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
59.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
60.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
61.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
62.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
63.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
64.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
65.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
66.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
67.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
68.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
69.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
70.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
71.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chỉ hoạt động khi được pháp luật cho phép)	2420

72.	Đúc sắt, thép	2431
73.	Đúc kim loại màu	2432
74.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
75.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
76.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
77.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
79.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng, Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Tư vấn Lập quy hoạch xây dựng;	7110
81.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
82.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Chi tiết: Kế hoạch tài chính, giữ sổ sách kế toán, dịch vụ nhân sự	8211
83.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
84.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322

85.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
86.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
87.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
88.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
89.	Phá dỡ	4311
90.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
91.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
92.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
93.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
94.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
95.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
96.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
97.	Sản xuất đồng hồ	2652
98.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
99.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
100.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
101.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
102.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
103.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
104.	Sản xuất xe có động cơ	2910
105.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
106.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
107.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
108.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
109.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
110.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
111.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
112.	In ấn	1811
113.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
114.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
115.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
116.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
117.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

118.	Bán buôn tổng hợp	4690
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
120.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không kinh doanh vàng)	4662
121.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
122.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
123.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
124.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
125.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
126.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
127.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
128.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
129.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
130.	Sản xuất đường	1072
131.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
132.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
133.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
134.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
135.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
136.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
137.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

138.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí) Chi tiết: Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; - Bán lẻ dầu hoả, bình ga, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau	4773
139.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
140.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
141.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm	5820
142.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
143.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
144.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
145.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
146.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
147.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
148.	Bán buôn gạo	4631
149.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
150.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
151.	Sản xuất máy luyện kim	2823
152.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
153.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
154.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
155.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
156.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
157.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212

158.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
159.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
160.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
161.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
162.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
163.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
164.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
165.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
166.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
167.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
168.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
169.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
170.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
171.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
172.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
173.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
174.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
175.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	4932
176.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
177.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
178.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
179.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
180.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
181.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
182.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
183.	Sản xuất giày dép	1520
184.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
185.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
186.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
187.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702

188.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
189.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
190.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
191.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
192.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
193.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
194.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
195.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4511
196.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
197.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
198.	Sao chép bản ghi các loại	1820
199.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
200.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
201.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
202.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
203.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
204.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4541
205.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
206.	Bán buôn thực phẩm	4632
207.	Bán buôn đồ uống	4633
208.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
209.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
210.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOA LAN HƯƠNG	P303 tập thể Cục phục vụ Ngoại giao đoàn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	160.000	1.600.000.000	40,000	B9997710	
			Tổng số	160.000	1.600.000.000	40,000		
2	PHẠM THỊ HUỆ	P306 ngõ 32 ngõ 90 phố Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	30,000	013250134	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	30,000		
3	PHẠM NGỌC TRÂM	P102 C5 Trung Tự, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	30,000	011914666	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOA LAN HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B9997710

Ngày cấp: 23/01/2015

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P303 tập thể Cục phục vụ Ngoại giao đoàn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *số 55, ngõ 22 phố Võng Thị, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội